

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 40/2020/DSST

Ngày 30/7/2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đỗ Thị Vân
2. Bà Trịnh Thị Loan

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H: không.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2020/TLST- DS ngày 01 tháng 7 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2020/QĐXXST ngày 17 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963

Địa chỉ: thôn 2, xã Ng, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Chu Đình Y, sinh năm 1987

Địa chỉ: thôn 2, xã Ng, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, vắng mặt bị đơn là anh Chu Đình Y không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 26/6/2020, bản tự khai ngày 07/7/2020 và lời trình bày tại phiên tòa của bà Nguyễn Thị L thể hiện:

Do có mối quan hệ làng xóm với nhau nên vào ngày 26/11/2015, tôi có cho anh Chu Đình Y vay số tiền là 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng), có viết giấy vay nợ, trong đó anh Y hẹn sau 03 tháng sẽ trả nợ cho tôi, khi vay chúng tôi không thỏa thuận về lãi suất. Tuy nhiên đến hạn trả nợ nhưng anh Y không trả cho tôi. Tôi đã đòi nhiều lần và

đến ngày 30/12/2019 âm lịch, bà Hoàng Thị B là mẹ anh Chu Đình Y có trả cho tôi 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Từ đó đến nay anh Y bà B không trả cho tôi thêm khoản nào nữa. Nay tôi đề nghị Tòa án buộc anh Chu Đình Y và bà Hoàng Thị B phải trả cho tôi số tiền nợ gốc còn lại là 51.000.000 đồng (năm mươi một triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ thời điểm tôi khởi kiện.

Tại bản tự khai ngày 08/7/2020 của mẹ anh Chu Đình Y là bà Hoàng Thị B thể hiện:

Tôi và cháu Huy đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án về việc bà L kiện đòi nợ, tôi trình bày như sau: Ngày 26/11/2015, con trai tôi có vay của bà L số tiền là 55.000.000 đồng, khi vay hai bên có viết giấy vay và hứa ba tháng sau sẽ trả. Do làm ăn khó khăn nên cháu Y mới trả cho bà L được 4.000.000 đồng, số tiền nợ còn lại là 51.000.000 đồng (Năm mươi một triệu). Do điều kiện làm ăn hiện nay của cháu rất khó khăn nên đề nghị Tòa án cho gia đình tôi được trả dần cho bà L.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh Chu Đình Y không đến Tòa án. Mẹ của anh Y là bà Hoàng Thị B cho biết: Do hiện nay cháu Y đang đi làm ăn không có ở nhà, tôi là mẹ cháu sẽ có trách nhiệm nhận các giấy tờ của Tòa án và giao cho cháu Y biết.

Bà Nguyễn Thị L có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án không mở phiên hòa giải đối với các đương sự.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ 15/7/2020 anh Huy vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa nguyên đơn không rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị L và anh Chu Đình Y thiết lập quan hệ vay tiền và có viết giấy vay tiền, đến hạn trả nợ anh Y không thực hiện nghĩa vụ. Do đòi tiền không được nên bà L đã khởi kiện đến Tòa án. Hợp đồng vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị L và anh Chu Đình Y được xác lập vào ngày 26/11/2015, trong đó hạn 03 tháng sau sẽ trả. Đến hạn là ngày 26/02/2016, anh Y không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đây là thời điểm phát sinh tranh chấp, tính đến ngày 26/02/2019 hết thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Ngày 30/12/2019 (tức ngày 24/01/2020), anh Y đã nhờ mẹ là bà B trả cho bà L 4.000.000 đồng, anh thực hiện một phần nghĩa vụ nên bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Dân sự năm 2015. Như

vậy đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện theo quy định tại khoản 3 điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Chu Đình Y địa chỉ thường trú tại xã Ng, huyện H, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt trực tiếp được Thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác cho anh Chu Đình Y do anh đi làm không có nhà. Tuy nhiên mẹ anh Y đã nhận văn bản của Tòa án và cam kết giao cho anh Y. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án là đúng theo quy định của luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày 29/7/2020, bị đơn là anh Chu Đình Y vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 233 và 235 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, anh Chu Đình Y tiếp tục vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật

[3] Về nội dung:

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L khởi kiện đòi nợ đối với anh Chu Đình Y và mẹ anh Y là bà Hoàng Thị B, Hội đồng xét xử nhận thấy: Toàn bộ nội dung giấy vay nợ đều thể hiện tự bản thân anh Y đứng ra vay tiền của bà L và anh hẹn thời gian trả chứ không hề thể hiện khoản nợ đó do cả anh Y và bà B vay. Phía cuối góc bên phải giấy vay nợ dưới mục “người vay tiền” có chữ ký người vay là anh Chu Đình Y, còn bà Hoàng Thị B không ký vào mục người vay mà ký cuối tờ giấy góc phía bên trái với nội dung: “mẹ B” thì không thể hiện được rằng bà B cũng là người cùng vay nợ. Do đó hội đồng xét xử xác định bị đơn là anh Chu Đình Y mới là người vay toàn bộ khoản tiền của bà L và anh phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà L.

[3.1] Xét yêu cầu của bà L buộc anh Vũ phải trả số tiền nợ gốc là 51.000.000 đồng (Năm mươi một triệu đồng), Hội đồng xét xử nhận thấy:

Việc vay nợ giữa bà Nguyễn Thị L và anh Chu Đình Y đều là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, được thiết lập trên cơ sở tự nguyện, lập thành văn bản có chữ ký của anh Y và chữ ký người làm chứng là bà B, bà B cũng đã xác nhận anh Y có nợ bà L khoản tiền đúng như bà L trình bày; trong giấy vay tiền có nêu rõ số tiền vay là 55.000.000 đồng, có thời gian vay, có mục người vay tiền và chữ ký người vay. Do đó đây là giao dịch dân sự vay tài sản hợp pháp theo đúng quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Bà L và mẹ anh Y là bà B xác nhận anh Y đã trả được cho bà L 4.000.000 đồng. Vì vậy xác định, anh

Chu Đình Y hiện đang nợ bà Nguyễn Thị L số tiền gốc là 51.000.000 đồng (năm mươi một triệu đồng) nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Y phải trả cho bà L số tiền nợ gốc là 51.000.000 đồng (năm mươi một triệu đồng).

[3.2] Đối với yêu cầu về lãi suất:

Khi vay tiền, bà L và anh Y không thỏa thuận lãi suất nên đây là khoản vay không có lãi. Đến hạn trả nợ, anh Y không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên bà L yêu cầu anh Y phải trả lãi cho bà tính từ thời điểm khởi kiện. Đây là quyền hợp pháp của bà L nên căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự, buộc anh Y phải trả cho bà L tiền nợ lãi với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm trả, thời gian tính lãi kể từ thời điểm bà L khởi kiện là ngày 26/6/2020.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 BLTTDS, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh Chu Đình Y phải chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm là: 2.550.000 đồng (Hai triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí; trả lại cho bà toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: - Khoản 3 Điều 26; Điều 35, khoản 3 Điều 144, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 24, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Buộc anh Chu Đình Y phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền đã vay là 51.000.000 đồng (Năm mươi một triệu đồng);

Về lãi suất: Chấp nhận yêu cầu của bà L về phần lãi suất, buộc anh Y phải trả cho bà L tiền nợ lãi với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền chậm trả, thời gian tính lãi kể từ thời điểm bà L khởi kiện là ngày 26/6/2020.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ

ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468, khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bị đơn là anh Chu Đình Y phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 2.550.000 đồng (Hai triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0009960 ngày 26/6/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn anh Chu Đình Y được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND h. H;
- Chi cục THA DS h. H;
- UBND xã Ng
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Tú

